

Số: *1842* /QĐ-TCT

Hà Nội, ngày *16* tháng *12* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc hệ thống Thuế

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ và Văn phòng thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 2158/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ Thông tin trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-BTC ngày 06/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2156/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ và Văn phòng thuộc Tổng cục Thuế và Quyết định số 2158/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ Thông tin trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-BTC ngày 27/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc hệ thống Thuế được quy định như sau:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế

a) Quyết định mua sắm tài sản:

- Tài sản công nghệ thông tin (trừ tài sản công nghệ thông tin quy định tại khoản 2 Điều này);

- Các loại ấn chỉ gồm: Tem thuốc lá sản xuất trong nước, tem rượu sản xuất trong nước, biên lai thu thuế và các loại ấn chỉ khác theo quy định giao Tổng cục Thuế thực hiện;

- Lịch, sách nghiệp vụ, báo, tạp chí, tài liệu tuyên truyền do Tổng cục Thuế thực hiện mua sắm;

- Phù hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức, viên chức, người lao động ngành Thuế do Tổng cục Thuế thực hiện mua sắm;

- Phù hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức, viên chức, người lao động Cơ quan Tổng cục Thuế¹, Đại diện Văn phòng Tổng cục Thuế tại thành phố Hồ Chí Minh, Cục Công nghệ Thông tin, Trường Nghiệp vụ Thuế, Tạp chí Thuế, các Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân, tài khoản riêng do Tổng cục Thuế thực hiện mua sắm.

- Tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) phục vụ hoạt động của Cơ quan Tổng cục Thuế, Tổng cục Thuế do Tổng cục Thuế thực hiện mua sắm.

b) Phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản:

- Phần mềm ứng dụng, phần mềm thương mại đáp ứng yêu cầu quản lý của Cục Thuế (không thuộc kế hoạch, chương trình triển khai hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 phần mềm (bao gồm chi phí mua sắm phần mềm, đào tạo và triển khai – nếu có);

- Tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này) có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Thuế).

c) Quyết định thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này):

- Tài sản của các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cục Thuế);

- Tài sản công nghệ thông tin dùng chung toàn ngành có mức tiền đề nghị thuê dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê ;

- Tài sản công nghệ thông tin của Cục Thuế có mức tiền đề nghị thuê từ 500 triệu đồng đến dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê.

¹ Cơ quan Tổng cục Thuế gồm các Vụ, đơn vị (trừ Đại diện Văn phòng Tổng cục Thuế tại thành phố Hồ Chí Minh, Cục Công nghệ Thông tin, Trường Nghiệp vụ Thuế, Tạp chí Thuế, các Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân, tài khoản riêng)

d) Phê duyệt chủ trương thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này):

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế có mức tiền đề nghị thuê dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê;

- Tài sản công nghệ thông tin của Cục Thuế có mức tiền đề nghị thuê dưới 500 triệu đồng/01 lần thuê (không thuộc kế hoạch, chương trình triển khai hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế).

đ) Quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác của các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cục Thuế).

e) Quyết định xử lý tài sản của các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Thuế):

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Thanh lý tài sản gồm: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

- Tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

g) Phê duyệt chủ trương xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);

- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);

- Tiêu hủy tài sản;

- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h) Quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong hệ thống Thuế (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này).

i, Quyết định xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của Cơ quan Tổng cục Thuế, cụ thể:

- Thu hồi, bán tài sản (trừ trụ sở làm việc).
- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).
- Tiêu hủy tài sản; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, hủy hoại.

2. Cục trưởng Cục Thuế.

a) Quyết định mua sắm tài sản:

- In/mua các loại ấn chỉ gồm: Hóa đơn các loại; Biên lai thu tiền phí, lệ phí không có mệnh giá và các loại ấn chỉ khác theo quy định giao Cục Thuế thực hiện.

- Phù hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức, viên chức, người lao động Cục Thuế do Cục Thuế thực hiện mua sắm theo dự toán được Tổng cục Thuế giao.

- Tài sản công nghệ thông tin, gồm:

+ Phần mềm ứng dụng, phần mềm thương mại đáp ứng yêu cầu quản lý của Cục Thuế (không thuộc kế hoạch, chương trình triển khai hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 phần mềm (bao gồm chi phí mua sắm phần mềm, đào tạo và triển khai – nếu có) theo chủ trương đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt.

+ Thiết bị đọc mã vạch hai chiều, USB, ổ cứng, ổ đĩa quang từ, máy quét tài liệu, tiếp đất và chống sét lan truyền; Thiết bị, vật tư mạng (tủ mạng, dây mạng, đầu mạng RJ45, Wallplate, Patch panel, kim bấm mạng);

- Tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này).

b) Quyết định thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này):

- Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có mức tiền đề nghị thuê dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê theo chủ trương đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt;

- Tài sản công nghệ thông tin của Cục Thuế có mức tiền đề nghị thuê dưới 500 triệu đồng/01 lần thuê (không thuộc kế hoạch, chương trình triển khai hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế) theo chủ trương đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt;

- Tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản công nghệ thông tin) có mức tiền đề nghị thuê dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê.

c) Quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định. Riêng tài sản là xe ô tô: Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo về Tổng cục Thuế việc sắp xếp, điều chuyển để theo dõi, quản lý.

đ) Quyết định xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản theo chủ trương đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);
- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);
- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);
- Tiêu hủy tài sản;
- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

e) Quyết định xử lý tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);
- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);
- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);
- Tiêu hủy tài sản;
- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Thuế)

a) Quyết định mua sắm tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này) có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo chủ trương đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt;

b) Quyết định mua sắm đối với tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và tài sản quy định tại điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 4 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này).

d) Quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều này).

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế quyết định:

a) Mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thuê tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế quyết định:

a) Bán tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Vụ Tài vụ Quản trị:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp của các đơn vị thuộc hệ thống Thuế quy định tại Quyết định này.

b) Báo cáo Tổng cục trình Bộ phê duyệt chủ trương mua sắm, thuê, xử lý tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo đề nghị của các đơn vị.

c) Chủ trì trình Tổng cục quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản (trừ trường hợp thuê tài sản công nghệ thông tin) theo chủ trương đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

d) Chủ trì trình Tổng cục quyết định mua sắm tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này (trừ tài sản khác phục vụ hoạt động của Cơ quan Tổng cục Thuế);

đ) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục phê duyệt chủ trương, quyết định đối với các nội dung quy định tại điểm d, g, h, khoản 1 Điều 1 Quyết định này (trừ trường hợp thuê tài sản công nghệ thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định này).

e) Tổng hợp, đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

2. Cục Công nghệ Thông tin:

a) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục quyết định thuê tài sản công nghệ thông tin theo chủ trương đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục phê duyệt chủ trương mua sắm phần mềm ứng dụng, phần mềm thương mại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

c) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục phê duyệt chủ trương, quyết định thuê tài sản công nghệ thông tin quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

d) Lập hồ sơ trình Tổng cục (qua Vụ Tài vụ Quản trị) quyết định mua sắm tài sản công nghệ thông tin theo chủ trương đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt và tài sản công nghệ thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

đ) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

3. Văn phòng Tổng cục Thuế:

a) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục quyết định mua sắm tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) phục vụ hoạt động của Cơ quan Tổng cục Thuế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục quyết định thuê tài sản; khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác; xử lý tài sản của Cơ quan Tổng cục Thuế quy định tại điểm c, đ, i khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

c) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 5 Điều này (trừ điểm h khoản 5 Điều này).

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế (trừ Cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Thuế):

a) Chịu trách nhiệm trình Tổng cục phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 1 Quyết định này); quyết định thuê tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định này); khoán kinh phí sử dụng tài sản; xử lý tài sản quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều 1 Quyết định này đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

b) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc hệ thống Thuế:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua sắm khi Tổng cục trưởng giao thực hiện việc mua sắm tài sản theo quy định tại Điều 31 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thuê, xử lý tài sản theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

d) Thực hiện mua sắm tài sản phải tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

đ) Tổ chức mua sắm tài sản theo quy định tại Điều 31, Điều 52 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

e) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quyết định này.

g) Kịp thời đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế (qua Vụ Tài vụ Quản trị) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật.

h) Thực hiện hạch toán, thống kê, ghi nhận thông tin, báo cáo, công khai tài sản công theo quy định tại Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1001/QĐ-TCT ngày 30/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc hệ thống Thuế.

Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Chánh văn phòng Tổng cục Thuế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc hệ thống Thuế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KHTC, QLCS (b/c);
- Lãnh đạo TC (b/c);
- Lưu: VT, TVQT (2b).

95

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn